TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 28/11/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

Các thẩm phán: ông Lê Thanh Hoàng;

ông Trần Minh Hải.

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Ngô Huỳnh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** ông Phạm Trường San – Kiểm sát viên.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2022/HNGĐ-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tr.T, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 20/2022/TLPT-HNGĐ ngày 01/11/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐ-PT ngày 04/11/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Néang ST, sinh năm 1994; nơi cư trú: thị trấn Tr.T, huyện Tr.T, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* anh Chau SC, sinh năm 1987; nơi cư trú: thị trấn CT, huyện Tr.T, tỉnh An Giang (có mặt).

Người phiên dịch: ông Chau SX – Biên tập viên, Phòng Thời sự dân tộc, Đài phát thanh truyền hình tỉnh An Giang (có mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Chau C, sinh năm 1950; nơi cư trú: thị trấn CT, huyện Tr.T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Bà Néang SP, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp TH, xã NT, huyện Tr.T, tỉnh An Giang (có mặt).

Người kháng cáo: anh Chau SC.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2021, bản tự khai và biên bản hòa giải, chị Néang ST trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2015 chị và anh SC quen biết nhau do tự tìm hiểu, đến năm 2017 thì tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CT, huyện Tr.T, tỉnh An Giang vào ngày 22/11/2016 theo quy định pháp luật. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng đến tháng 5/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do về kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh SC thường xuyên nhậu rồi vô cớ đánh vợ, bóp cổ vợ, khi giận lên thì đập đồ đạc trong nhà, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay, tình cảm không còn nên chị ST yêu cầu được ly hôn với anh SC.

Về con chung: Chị ST và anh SC có hai con chung tên Néang Sóc TT, sinh ngày 31/01/2018 và Néang NL, sinh ngày 08/01/2020, hiện tại cháu TT và cháu NL đang do anh SC nuôi dưỡng. Chị ST yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh SC cấp dưỡng nuôi con chung, tại phiên tòa sơ thẩm yêu cầu cấp dưỡng mỗi cháu 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, bị đơn anh Chau SC trình bày:

Về hôn nhân: Anh SC thống nhất theo ý kiến của chị ST về điều kiện đi đến hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã CT, huyện Tr.T, tỉnh An Giang và về con chung, tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên về mâu thuẫn thì anh thừa nhận vợ chồng có cự cãi nhưng chủ yếu do bên mẹ vợ nên vợ chồng cự cãi, còn về vấn đề ăn nhậu thì chỉ có trước khi anh bị bệnh, sau này anh bệnh thì không còn nhậu nữa, đối với việc đánh đập vợ thì không có nhưng anh có bóp cổ vợ lúc vợ lấy tiền anh nên chỉ bóp cổ nhẹ. Vợ chồng mâu thuẫn nên từ tháng 5/2021 cho đến tháng 12/2021 thì vợ đã về nhà mẹ ruột sinh sống nên đã ly thân cho đến nay. Việc chị ST yêu cầu ly hôn anh SC không đồng ý ly hôn, vì còn thương vợ.

Về con chung: Anh SC thống nhất có 02 con chung tên Néang Sóc TT, sinh ngày 31/01/2018 và Néang NL, sinh ngày 08/01/2020. Anh SC yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu chị ST cấp dưỡng hai đứa mỗi đứa 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh thống nhất tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2022/HNGĐ-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tr.T, tỉnh An Giang tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Néang ST.

Về hôn nhân: Chị Néang ST được ly hôn với anh Chau SC.

Giấy chứng nhận kết hôn số 107, cấp ngày 22/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã CT (nay là thị trấn CT), huyện Tr.T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung:

Chấp nhận yêu cầu của anh Chau SC được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Néang Sóc TT, sinh ngày 31/01/2018.

Chấp nhận yêu cầu của chị Néang ST buộc anh SC giao cháu Néang NL, sinh ngày 08/01/2020 cho chị ST nuôi dạy con chung. Không chấp nhận yêu cầu của anh SC được nuôi dạy cháu NL.

Về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng:

Công nhận sự thỏa thuận buộc chị Néang ST có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng để anh SC nuôi cháu TT. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2022 cho đến khi cháu TT thành niên và có khả năng lao động.

Không chấp nhận nuôi một đứa con với mức yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng của chị ST. Buộc anh SC có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi tháng 745.000 đồng/tháng để chị ST nuôi dạy cháu NL. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2022 cho đến khi cháu NL thành niên và có khả năng lao động.

Việc nuôi dạy con không cố định, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01/08/2022 bị đơn Chau SC kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm phần nuôi con chung, phúc xử cho anh được nuôi 02 con chung là Néang Sóc TT, sinh ngày 31/01/2018 và Néang NL, sinh ngày 08/01/2020 và xin đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh SC, chị ST cùng xác định, tuy các đương sự là người dân tộc Khơ me nhưng nghe được, nói được, hiểu được ngôn ngữ tiếng Việt nên không cần phiên dịch. Anh SC giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm phần nuôi con chung, xử cho anh được nuôi 02 con chung là Néang Sóc TT, sinh ngày 31/01/2018 và Néang NL, sinh ngày 08/01/2020, anh không yêu cầu chị ST cấp dưỡng nuôi hai con chung và anh muốn đoàn tụ, nếu chị ST cương quyết ly hôn anh cũng đồng ý. Theo đó anh SC xác định không cung cấp thêm chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử. Chị ST cương quyết ly hôn, về 02 con chung chị ST tự nguyên giao hai con chung tên Néang Sóc TT, sinh ngày 31/01/2018 và Néang NL, sinh ngày 08/01/2020 (chị không cấp dưỡng nuôi con) cho anh SC tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của anh SC.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, tuyên xử chị Néang ST được ly hôn với anh Chau SC; giao con chung tên Néang ST, sinh ngày 31/01/2018 cho anh Chau SC được tiếp tục nuôi dưỡng, chị Néang ST có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng, từ tháng 08/2022 cho đến khi cháu TT trưởng thành; giao con chung tên Néang NL, sinh ngày 08/01/2020 cho chị ST nuôi dạy, buộc anh SC có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi tháng 745.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2022 cho đến khi cháu NL trưởng thành, không giải quyết về tài sản chung, nợ chung do các đương sự không yêu cầu là phù hợp với pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh SC, chị ST tự nguyện thỏa thuận thống nhất để anh SC tiếp tục nuôi 02 con chung, chị ST tự nguyện giao 02 con chung tên Néang Sóc TT, sinh ngày 31/01/2018 và Néang NL, sinh ngày 08/01/2020 (chị không cấp dưỡng nuôi con) cho anh SC tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của anh SC. Việc tự nguyện thỏa thuận này của các đương sự là đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thảo thuận này của các đương sự. Về quan hệ hôn nhân, anh SC kháng cáo yêu cầu đoàn tụ, chị ST không đồng ý đoàn tụ, anh SC không cung cấp chứng cứ mới để chứng minh, nên không có căn cứ chấp yêu này của anh SC. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh SC, sửa án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận thống nhất của chị ST với anh SC để anh SC tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Néang Sóc TT, sinh ngày 31/01/2018 và Néang NL, sinh ngày 08/01/2020, chị ST không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Các phần nội dung khác của án sơ thẩm giữ nguyên, đề nghị xử lý án phí sơ thẩm, án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Căn cứ kết quả thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 22/7/2022 Tòa sơ thẩm tuyên án, ngày 01/08/2022 bị đơn anh Chau SC kháng cáo là trong hạn luật định và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định, nên được chấp nhận để xét xử yêu cầu kháng cáo của anh SC theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Người làm chứng ông Chau C vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt người làm chứng này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt ông C là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn anh SC, nguyên đơn chị ST cùng xác định, tuy các đương sự là người dân tộc Khơ me nhưng nghe được, nói được, hiểu được ngôn ngữ tiếng Việt nên không cần phiên dịch, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm vẫn mời Phiên dịch viên tiếng Khơ me ông Chau SX – Biên tập

viên, Phòng Thời sự dân tộc, Đài phát thanh truyền hình tỉnh An Giang tham gia phiên tòa, phiên dịch cho các đương sự theo đúng pháp luật tố tụng quy định, nhằm bảo đảm quyền dùng tiếng nói, chữ viết, ngôn ngữ tiếng Khơ me cho người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh SC yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm cho anh SC được nuôi 02 con chung là cháu Néang Sóc TT, Néang NL và xin đoàn tụ thì thấy:

[2.1] Hôn nhân của chị ST và anh SC là tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CT (nay là thị trấn CT) năm 2016 theo quy định pháp luật, nên xem là hôn nhân hợp pháp. Trong thời ky hôn nhân, chị ST và anh SC có 02 con chung là Néang Sóc TT, sinh ngày 31/01/2018 (đang ở với anh SC), Néang NL, sinh ngày 08/01/2020 (nay đang ở với chị ST). Cuộc sống vợ chồng anh, chị thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh SC lại thường xuyên rượu chè còn vô cớ đánh chị ST, bóp cổ chị ST, anh SC còn đập đồ đạc, tài sản trong nhà. Không chịu được áp lực trong cuộc sống vợ chồng, nên chị ST đã sống ly thân với anh SC từ tháng 12/2021 cho đến nay, do không còn tình cảm nên chị ST xin ly hôn với anh SC. Anh SC cho rằng tuy vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng chủ yếu là về tài sản do bên mẹ vợ không chia tài sản cho vợ, nên vợ chồng mới phát sinh cự cãi, đồng thời do vợ lấy tiền tiết kiệm của anh, nên vợ chồng đánh nhau là có thật, anh không có bóp cổ vợ mà chỉ dùng tay chấn vào cổ, còn vợ thì đánh lại anh. Chính anh SC thừa nhận cả hai ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay, suốt thời gian qua vợ chồng anh không còn quan hệ với nhau, từ thực tế này cho thấy cuộc sống vợ chồng của chị ST với anh SC khó hàn gắn, mục đính hôn nhân không còn, nếu tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc, nên Tòa án cấp sơ thẩm xử chị ST được ly hôn với anh SC là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Anh SC kháng cáo xin đoàn tụ, chị ST cương quyết ly hôn, anh SC lại không đưa ra được giải pháp thiết thực để hàn gắn quan hệ vợ chồng, hơn nữa anh SC không cung cấp được chứng cứ mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ của anh SC.

[2.2] Xét về quan hệ con chung của chị ST và anh SC, anh SC yêu cầu được nuôi hai con chung là Néang Sóc TT, sinh ngày 31/01/2018 và Néang NL, sinh ngày 08/01/2020, không yêu cầu chị ST cấp dưỡng nuôi con chung của anh SC thì thấy;

Thực tế hiện nay cháu TT, cháu NL đang sống chung với anh SC, hơn nữa cả 02 cháu hiện đang đi học và có cuộc sống sinh hoạt tốt, nên cũng cần quan tâm về cuộc sống chung của hai cháu là cần thiết. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh SC, chị ST tự nguyện thỏa thuận thống nhất để anh SC tiếp tục nuôi 02 con chung tên Néang Sóc TT, sinh ngày 31/01/2018, Néang NL, sinh ngày 08/01/2020, chị ST không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung. Việc tự nguyện thỏa thuận nuôi con chung của anh SC, chị ST là phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự để cho anh SC tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung nêu trên theo nguyện

vọng của anh SC, chị ST không phải cấp dưỡng nuôi con chung là đúng pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận việc nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung giữa anh SC với chị ST, nên các đương sự không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo của anh SC và sửa án sơ thẩm về quan hệ con chung nên anh SC không phải chịu án phí phúc thẩm, anh SC được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[5] Các phần nội dung khác của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2022/HNGĐ-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tr.T, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 56, khoản 2, 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, phúc xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Chau SC.

- Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2022/HNGĐ-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tr.T, tỉnh An Giang về con chung, án phí cấp dưỡng nuôi con, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Néang ST với anh Chau SC về nuôi con chung.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Néang ST.

1. Về hôn nhân: Chị Néang ST được ly hôn với anh Chau SC (Giấy chứng nhận kết hôn số 107, cấp ngày 22/11/2016 của Ủy ban nhân dân xã CT (nay là thị trấn CT), huyện Tr.T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Néang ST với anh Chau SC để anh Chau SC được tiếp tục nuôi 02 con chung là Néang Sóc TT, sinh ngày 31/01/2018; Néang NL, sinh ngày 08/01/2020, chị Néang ST không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Việc nuôi con, chăm sóc con chung không cố định, các bên đương sự, hoặc theo nguyên vọng của các cháu yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con chung, thì Tòa án xem xét quyết định việc thay đổi quyền được nuôi con chung khi có yêu cầu theo quy định pháp luật.

Anh Chau SC phải có nghĩa vụ tạo điều kiện cho chị Néang ST thăm, chăm sóc con chung theo đúng quy định của pháp luật, nếu anh SC cố tình ngăn cản quyền thăm, chăm sóc con chung thì chị ST có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi quyền nuôi con chung tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Néang ST và anh Chau SC thống nhất tự thỏa thuận xong, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết, nên Tòa án cấp phúc thẩm cũng không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Chị Néang ST phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008096 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr.T, tỉnh An Giang (chị ST đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm).

Anh Chau SC không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị Néang ST, anh Chau SC không phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về án phí phúc thẩm: Anh Chau SC không phải chịu án phí phúc thẩm, anh Chau SC được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002471 ngày 02/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr.T, tỉnh An Giang.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Tr.T;
- Chi cục THADS huyện Tr.T;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tuấn